

Số: 1114 /ĐHV-ĐT

Nghệ An, ngày 06 tháng 9 năm 2024

V/v lấy ý kiến góp ý Điều chỉnh
Quy định đào tạo đại học lần 2

Kính gửi: Trưởng các đơn vị liên quan

Tiếp tục thực hiện công văn số 75/ĐHV-TTr-PC ngày 19/01/2024 về việc rà soát, bổ sung nội dung và xây dựng mới văn bản quản lý nội bộ; Công văn số 198/ĐHV-ĐT ngày 29/02/2024 về việc lấy ý kiến góp ý Điều chỉnh Quy định đào tạo đại học. Nhà trường đã tiếp nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh Quy định đào tạo trình độ đại học. Để hoàn thiện và ban hành Quy định, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đơn vị lần 2 cho dự thảo điều chỉnh cụ thể như sau:

1. Đối tượng lấy ý kiến:

- Trưởng các đơn vị trong toàn trường.
- Các đơn vị bắt buộc có ý kiến: Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trường thuộc/Khoa/viện đào tạo, Đảm bảo chất lượng, Thanh tra pháp chế, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp, Công tác chính trị - HSSV, Tổ chức Cán bộ, Quản trị và Đầu tư, Thực hành - Thí nghiệm, Thư viện.

2. Cách thức cho ý kiến:

Nội dung điều chỉnh được tô màu đỏ trong bản dự thảo điều chỉnh. Các đơn vị và cá nhân góp ý bằng cách:

- Góp ý trực tiếp trên văn bản (*sửa chữa, góp ý bằng bút mực đỏ trên bản cứng*);
- Sử dụng chế độ track changes góp ý trên bản mềm.

Các ý kiến góp ý, sửa chữa được gửi về Trường (*qua Phòng Đào tạo, trực tiếp TS. Hoàng Vĩnh Phú - Trưởng phòng, email: phuhoang@vinhuni.edu.vn*) chậm nhất 17 giờ 00', ngày 16/9/2024.

Nhà trường yêu cầu Trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Sau ngày 16/9/2024, Nhà trường sẽ tổng hợp ý kiến, hoàn thiện và ban hành Quy định để tổ chức thực hiện. Các đơn vị không có ý kiến góp ý được hiểu là đồng ý 100% nội dung của bản dự thảo Quy định./.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi (t/h);
- Lưu: HCTH, ĐT. 

 **HIỆU TRƯỞNG**


GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHV ngày tháng năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này cụ thể hóa Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học bao gồm: chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên cho tất cả các hệ đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh.

2. Quy chế này thay thế Quy định đào tạo trình độ Đại học ban hành kèm theo Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, áp dụng từ khoá tuyển sinh 2024 đối với đào tạo trình độ đại học theo hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học tại Trường Đại học Vinh.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Trường Đại học Vinh (sau đây gọi là Nhà trường) thực hiện chương trình đào tạo (sau đây viết tắt là: CTĐT) trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, tiếp cận CDIO cho tất cả các hình thức đào tạo.

2. Một ngành học có một hoặc nhiều CTĐT với Chuẩn đầu ra tương ứng. Một CTĐT có thể có liên quan đến nhiều hơn một ngành học.

a) Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học cấp bằng cử nhân được thiết kế với khối lượng 126 tín chỉ; ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư được thiết kế 150 tín chỉ (chưa bao gồm khối lượng các học phần GDTC và GDQP-AN). Hiệu trưởng xem xét quyết định số lượng tín chỉ cho các CTĐT thuộc lĩnh vực khác như: Sức khỏe, Nghệ thuật, Thú y;

b) Chương trình đào tạo tài năng được xây dựng dựa trên chương trình chuẩn; đáp ứng mục tiêu của chương trình là tuyển chọn và tạo điều kiện phát triển cho sinh viên tài năng. Tuỳ theo đặc thù của từng ngành, tỷ lệ số tín chỉ của các học phần tài năng chiếm tối thiểu 25% tổng số tín chỉ của toàn bộ CTĐT (tập trung ở khối các học phần ngành/chuyên ngành). Có thể xem xét thêm các học phần liên thông với CTĐT trình độ Thạc sĩ của ngành tương ứng.

c) Chương trình đào tạo thiết kế dạng ngành chính - ngành phụ, ngoài nội dung và CDR được thiết kế cho ngành ngành chính, thiết kế bổ sung nội dung, CDR tương đương thời lượng tối thiểu 15 tín chỉ cho chương trình ngành phụ nhưng không quá 30 tín chỉ. Các học phần thuộc ngành phụ là các học phần ngành hoặc chuyên ngành.

d) Chương trình đào tạo thiết kế dạng song ngành, ngoài nội dung và CĐR được thiết kế cho ngành chính, thiết kế bổ sung nội dung, CĐR tương đương thời lượng tối thiểu 30 tín chỉ cho chương trình ngành thứ 2. Những nội dung giống nhau, tương đương giữa hai CTĐT được tính khối lượng một lần). Việc tổ chức, quản lý đào tạo được thực hiện liên thông giữa các đơn vị đào tạo.

3. CTĐT được cấu trúc từ các học phần tạo thành các khối: học phần chung của Nhà trường; học phần chung theo lĩnh vực, khối ngành; học phần chung theo nhóm ngành và các học phần ngành/chuyên ngành.

a) Khối học phần chung của Trường đảm nhận các CĐR chung của Trường, có nội dung và CĐR thống nhất trong tất cả các CTĐT;

b) Khối học phần chung theo lĩnh vực/khối ngành đảm nhận các CĐR chung của lĩnh vực/khối ngành, được công nhận và chuyển đổi tương đương trong tất cả các ngành hoặc CTĐT thuộc cùng lĩnh vực/khối ngành;

c) Khối học phần chung theo nhóm ngành đảm nhận các CĐR chung của nhóm ngành, được công nhận và chuyển đổi tương đương trong tất cả các ngành hoặc CTĐT thuộc cùng nhóm ngành;

d) Khối học phần ngành/chuyên ngành đảm nhận các CĐR liên quan trực tiếp và mang tính chất đặc thù cốt lõi của ngành học hoặc CTĐT. Các học phần này không được công nhận và chuyển đổi tương đương giữa các ngành hoặc CTĐT khác nhau.

4. Nội dung CTĐT trình độ đại học được thiết kế đảm bảo liên thông với nội dung CTĐT trình độ thạc sĩ tương ứng. Khối lượng học tập của CTĐT, của mỗi học phần trong CTĐT được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 15 giờ giảng dạy lý thuyết; 30 giờ hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, thảo luận; 45 - 60 giờ thực tập, thực tế, thực địa, đồ án tốt nghiệp;

- Một giờ giảng dạy, hướng dẫn trên lớp được tính bằng 50 phút;

- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Một tín chỉ học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP-AN) được tính bằng 15 giờ giảng lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành tập luyện (tối thiểu 50% thời lượng do giảng viên hướng dẫn tập luyện) hoặc 15 giờ giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu ở thao trường;

c) CTĐT trình độ đại học cấp bằng cử nhân được thiết kế với khối lượng 126 tín chỉ; ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư có 150 tín chỉ (chưa bao gồm khối lượng các học phần GDTC và GDQP-AN). Hiệu trưởng xem xét quyết định số lượng tín chỉ cho các CTĐT thuộc lĩnh vực khác như: sức khỏe, nghệ thuật, thú y;

d) CTĐT liên thông trình độ đại học hình thức chính quy là CTĐT trình độ đại học chính quy đang áp dụng tại Trường Đại học Vinh.

5. Đối với CTĐT được thiết kế để người học lựa chọn định hướng cấp bằng cử nhân hoặc bằng kỹ sư, khối lượng học tập và CĐR được phân biệt rõ phần chung và phần riêng cho từng định hướng.

6. CTĐT đại học hệ vừa làm vừa học có nội dung, CĐR, khối lượng như CTĐT đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của ngành tương ứng.

7. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ đào tạo khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong CTĐT trước. Các Khoa/Viện/Trường (gọi tắt là đơn vị đào tạo) xác định và công nhận các học phần được chuyển đổi và miễn trừ.

8. CTĐT được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến CTĐT được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

9. Học phần là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể để đạt được một phần CĐR CTĐT. Một học phần thường được tổ chức giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung chính yếu của mỗi ngành và bắt buộc sinh viên phải tích lũy để tốt nghiệp;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung cần thiết, nhưng sinh viên có thể tự chọn theo nguyện vọng cá nhân nhằm học tập chuyên sâu hoặc mở rộng chuyên môn để tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ quy định cho mỗi CTĐT;

- Ngoài các học phần tự chọn của CTĐT, sinh viên có thể chọn một số học phần bất kỳ trong các CTĐT khác của Nhà trường để tích lũy thay thế cho học phần tự chọn nếu đảm bảo đáp ứng CĐR tương đương và được sự đồng ý của Trưởng đơn vị đào tạo;

- Sinh viên có quyền đăng ký học các học phần ngoài CTĐT của ngành học theo nguyện vọng cá nhân nhưng không được tính điểm tích lũy hoặc thay thế học phần khác trong CTĐT;

- Sinh viên có quyền đăng ký các học phần ngoài khối lượng tích lũy của ngành chính để được cấp bằng ngành phụ.

c) Học phần tiên quyết: là loại học phần sinh viên bắt buộc phải tích lũy đạt để đủ điều kiện đăng ký học học phần khác;

Ví dụ: học phần A là học phần tiên quyết đối với học phần B, điều kiện để sinh viên có thể đăng ký học phần B là phải tích lũy đạt học phần A.

d) Học phần học trước: là học phần sinh viên buộc phải học trước, nhưng không yêu cầu bắt buộc phải đạt;

Ví dụ: học phần A là học phần học trước của học phần B, điều kiện để sinh viên được đăng ký học phần B là đã học xong học phần A (sinh viên đã đăng ký học và tham gia học đầy đủ).

e) Học phần thay thế là học phần được sử dụng để thay thế cho một học phần khác có trong CTĐT, đảm bảo đáp ứng CĐR tương đương và hiện tại không còn tổ chức giảng dạy. Học phần thay thế do đơn vị quản lý CTĐT đề xuất và có thể được áp dụng cho tất cả các khóa, ngành hoặc áp dụng hạn chế cho một số khóa, ngành;

g) Học phần dạy học dự án là học phần có đảm nhận các CĐR về kỹ năng xây dựng “sản phẩm, quy trình, hệ thống, dịch vụ” và có thể tích hợp thêm các CĐR khác;

được giảng dạy theo mô hình tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm tích hợp vào dự án; khối lượng học phần dự án tối thiểu 04 tín chỉ;

- Dự án được hình thành từ yêu cầu thực tiễn xã hội và nghề nghiệp, được sử dụng làm phương tiện để người học chủ động tìm tòi và vận dụng kiến thức, phát triển các kỹ năng cá nhân và liên nhân, kỹ năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành “sản phẩm, quy trình, hệ thống, dịch vụ”;

- Mỗi học phần cần thiết kế hoạt động để nhóm sinh viên có sản phẩm dự án đáp ứng các tiêu chuẩn chung của Nhà trường theo sự hướng dẫn chuyên môn của giảng viên.

10. Đề cương học phần do giảng viên biên soạn theo mẫu và hướng dẫn do Hiệu trưởng ban hành, trong đó thể hiện toàn bộ kế hoạch giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá của học phần, được đơn vị đào tạo (đơn vị cấp 2) thông qua, trình Hiệu trưởng ký ban hành. Trên cơ sở mẫu đề cương học phần, giảng viên biên soạn bài giảng, ma trận đề thi, ngân hàng câu hỏi, bộ tiêu chí để kiểm tra, đánh giá học phần.

11. Thời gian học tập của sinh viên được quy định như sau:

a) Đối với hệ chính quy, thời gian thiết kế chuẩn cho CTĐT trình độ đại học là 04 năm đối với các ngành đào tạo cấp bằng cử nhân; 4,5 - 5,0 năm đối với các ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư. Thời gian thiết kế cho CTĐT vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với thời gian thiết kế cho CTĐT chính quy tương ứng;

b) Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành CTĐT không được vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo, được thiết kế cho CTĐT ngành/chuyên ngành đó;

c) Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ;

d) Thời gian sinh viên nghỉ học tạm thời và thời gian học ở trường khác khi chuyển về Trường Đại học Vinh (nếu có) đều được tính vào thời gian tối đa của khóa đào tạo;

e) Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trong năm tuyển sinh) không hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 3. Hình thức tổ chức dạy học

1. Hình thức tổ chức dạy học được triển khai theo mô hình CFB (CDIO-Flipped-Blended Learning) nhằm mục tiêu hướng đến cá nhân hóa, học tập chủ động; đảm bảo sự linh hoạt cho hoạt động dạy và học; tăng thời gian trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường.

2. Mỗi học phần được thiết kế để người học triển khai hoạt động học tập theo 3 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1 - Học trước khi đến lớp (Pre-Class)*: giai đoạn này được thiết kế để người học tự học có hướng dẫn qua bài giảng e-learning và các học liệu liên quan cùng với sự hỗ trợ của Hệ thống quản lý học tập LMS.

- *Giai đoạn 2 - Học tập chủ động và trải nghiệm trên lớp (During Class)*: giai đoạn này được thiết kế tiếp nối giai đoạn 1, tập trung cho các hoạt động học tập chủ động và trải nghiệm ở trên lớp (mô hình CFB) hoặc ở trực tuyến (mô hình CFO) để đạt được các CĐR ở mức năng lực cao hơn.

- *Giai đoạn 3 - Củng cố, nâng cao kiến thức và kỹ năng (Post Class)*: giai đoạn này được thiết kế tiếp nối giai đoạn 2, tập trung các hoạt động khai thác kiến thức chuyên sâu và nâng cao các kỹ năng thông qua các hoạt động thực hành, hoàn thành các bài tập nâng cao, triển khai thâm nhập thực tiễn... để đạt được các CĐR đạt mức năng lực theo cam kết hoặc cao hơn.

3. Thời lượng triển khai tổ chức dạy học trực tuyến tối đa bằng 30% tổng thời lượng của CTĐT. Đối với học phần thực hành, tùy theo tính chất của từng học phần, giảng viên phụ trách ngành đề xuất thời lượng giảng dạy trực tiếp phù hợp, đảm bảo tối thiểu đạt 70%. Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo nghiên cứu đề xuất Hiệu trưởng xem xét quyết định.

4. Đào tạo chính quy

a) Các hoạt động dạy học được thực hiện tại các địa điểm thuộc Trường, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và dạy học trực tuyến có thể thực hiện ở ngoài trường;

b) Đối với học phần dự án, hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng, có thể triển khai dạy học hoàn toàn ở đơn vị ngoài trường hoặc kết hợp thời gian triển khai tại trường và thời gian triển khai ở đơn vị ngoài trường;

c) Thời gian tổ chức hoạt động dạy học được thực hiện tất cả các ngày trong tuần; thời khoá biểu được thiết kế theo tiết học (mỗi tiết học kéo dài 50 phút) và mỗi ngày thời khoá biểu được thiết kế tối đa 14 tiết. Thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của CTĐT được thực hiện theo quy định riêng.

5. Đào tạo vừa làm vừa học

a) Các hoạt động dạy học được thực hiện tại cơ sở đào tạo hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo tại Điều 4 của Quy chế này;

b) Những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và dạy học trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo.

6. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Hiệu trưởng xem xét quyết định hình thức tổ chức dạy học phù hợp.

7. Đối với các ngành ưu tiên đào tạo phục vụ nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường có hướng dẫn thực hiện riêng phù hợp với các hình thức đào tạo.

Điều 4. Liên kết đào tạo

1. Liên kết đào tạo chỉ thực hiện đối với hình thức vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và theo quy định tại khoản 2, 3 của Điều này. Không thực hiện việc liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Các yêu cầu tối thiểu, trách nhiệm của cơ sở chủ trì đào tạo và cơ sở phối hợp liên kết đào tạo được thực hiện theo khoản 2, 3, 4 Điều 5 của Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021.

3. Hoạt động liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài được thực hiện theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và Thông tư số 38/2020/TT-BGDĐT.

4. Căn cứ vào nhu cầu xã hội và các điều kiện đảm bảo chất lượng, Hiệu trưởng quyết định xây dựng đề án, kế hoạch triển khai liên kết đào tạo với đối tác trong nước hay nước ngoài.

Chương II

KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 5. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Đối với hình thức đào tạo chính quy

a) Kế hoạch dạy - học tổng thể và chi tiết trong từng năm học và từng học kỳ được thể hiện ở "Kế hoạch thời gian đào tạo năm học" và "Thời khóa biểu từng học kỳ";

b) Năm học gồm hai học kỳ chính (*gọi là học kỳ I và học kỳ II*), mỗi học kỳ chính có từ 12 - 15 tuần thực học và 03 tuần thi; dựa trên nhu cầu của sinh viên và điều kiện cho phép, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện học lại, học cải thiện điểm và học thêm. Học kỳ phụ có ít nhất 05 tuần thực học và 01 tuần thi;

c) Trước khi bắt đầu học kỳ ít nhất 02 tuần, Nhà trường cung cấp cho sinh viên về kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), số lớp học dự kiến tổ chức cho mỗi học phần, kế hoạch đăng ký học các khóa, lớp hành chính trong học kỳ;

d) Thời khóa biểu của các lớp học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ lên lớp đối với một lớp học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 04 giờ/ngày.

2. Đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

a) Kế hoạch dạy - học trong từng năm học được bố trí linh hoạt, cụ thể:

- Mỗi năm tổ chức 02 - 03 học kỳ chính.

- Tùy vào tình hình thực tiễn, có thể bố trí thêm học kỳ phụ vào khoảng tháng 6 đến tháng 8 hằng năm.

b) Trung tâm Giáo dục thường xuyên chủ động phối hợp với các đơn vị đào tạo và đơn vị liên kết để lập kế hoạch dạy - học phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương, từng lớp học phần.

c) Đầu học kỳ, Nhà trường thông báo lịch học tập chi tiết của từng lớp về số học phần và tín chỉ, lịch học trực tuyến và trực tiếp, hình thức kiểm tra đánh giá và lịch thi kết thúc học phần.

Điều 6. Tổ chức đăng ký học tập

1. Sắp xếp sinh viên vào học các ngành đào tạo hệ chính quy.

a) Sinh viên trúng tuyển, nhập học được nhà trường sắp xếp vào học các ngành đào tạo theo nguyện vọng đăng ký xét tuyển. Sau khi nhập học, nếu sinh viên có nguyện

vọng chuyển ngành học phải đảm bảo các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 18 của Quy chế này;

b) Sinh viên trúng tuyển hệ đào tạo liên thông chính quy từ trung cấp, cao đẳng lên đại học được Nhà trường sắp xếp vào học ngành đào tạo đã đăng ký như sau:

- Đối tượng đã tốt nghiệp cao đẳng được học cùng với sinh viên năm thứ ba của ngành đào tạo đã trúng tuyển;

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp được học cùng với sinh viên năm thứ hai của ngành đào tạo đã trúng tuyển.

c) Sinh viên trúng tuyển hệ đào tạo liên thông lấy bằng đại học thứ hai hệ chính quy được bố trí học cùng với sinh viên hệ chính quy ngành đào tạo đã trúng tuyển. Một số học phần không thể bố trí học cùng với khóa đào tạo, Hiệu trưởng Nhà trường xem xét cho phép mở lớp học phần riêng.

2. Sắp xếp sinh viên vào học các ngành đào tạo hệ vừa làm vừa học.

a) Sinh viên trúng tuyển hệ đào tạo vừa làm vừa học được Nhà trường sắp xếp vào học ngành đào tạo đã đăng ký theo lớp riêng tại trường hoặc ở cơ sở liên kết đào tạo;

b) Sinh viên trúng tuyển hệ đào tạo liên thông vừa làm vừa học từ trung cấp, cao đẳng lên đại học có thể được bố trí lớp học riêng, hoặc bố trí học cùng nhau tại một cơ sở liên kết đào tạo, cụ thể như sau:

- Đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp được đăng ký học với sinh viên cùng ngành đào tạo ở năm thứ 2 (lớp tuyển sinh từ học sinh có bằng THPT và tương đương);

- Đối tượng đã tốt nghiệp cao đẳng được đăng ký học với sinh viên cùng ngành đào tạo ở năm thứ 3 (lớp tuyển sinh từ học sinh có bằng THPT và tương đương) hoặc học với sinh viên lớp liên thông trung cấp lên đại học cùng ngành đào tạo ở năm thứ 2.

c) Sinh viên trúng tuyển liên thông lấy bằng đại học thứ 2 hình thức vừa làm vừa học được tổ chức lớp riêng hoặc sắp xếp học cùng với sinh viên hình thức liên thông khác theo lớp ở từng cơ sở liên kết đào tạo. Việc sắp xếp sinh viên liên thông lấy bằng đại học thứ 2 được áp dụng như sinh viên liên thông có bằng tốt nghiệp cao đẳng.

3. Tổ chức lớp sinh viên

Lớp sinh viên được tổ chức theo 2 hình thức: lớp hành chính và lớp học phần.

a) Lớp hành chính là lớp được tổ chức theo đơn vị đào tạo, khóa đào tạo hay theo ngành/khối ngành đào tạo, ổn định từ đầu đến cuối khóa học nhằm duy trì các hoạt động đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao và quản lý sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. Lớp hành chính được tổ chức và hoạt động theo Quy chế Công tác học sinh - sinh viên hiện hành, chịu sự quản lý của các đơn vị đào tạo chủ quản, phòng Công tác Chính trị - Học sinh, Sinh viên và các đơn vị, tổ chức liên quan khác;

b) Lớp học phần là lớp của các sinh viên cùng đăng ký một học phần, có cùng thời khóa biểu học phần trong một học kỳ, do giảng viên phụ trách học phần theo dõi. Số lượng sinh viên mở lớp của từng loại lớp học phần được quy định chi tiết ở bảng sau:

TT	Loại lớp học phần	Số sinh viên/lớp
1	Lớp học phần đại cương chung toàn trường, lĩnh vực	40 - 80
2	Lớp học phần nhóm ngành	40 - 60
3	Lớp học phần ngành, chuyên ngành; học phần đồ án	40
4	Lớp học phần Ngoại ngữ của sinh viên chuyên ngữ	35
5	Lớp học phần Ngoại ngữ của sinh viên không chuyên ngữ	40
7	Lớp thực hành GDQP-AN, GDTC không chuyên	35 - 40
8	Lớp thực hành, thí nghiệm, tập giảng	20
9	Các trường hợp khác do Hiệu trưởng xem xét quyết định	

4. Đăng ký khối lượng học tập và rút bớt học phần đã đăng ký đối với sinh viên đào tạo theo hình thức chính quy.

a) Căn cứ vào kế hoạch mở lớp của Nhà trường, sinh viên chủ động lựa chọn và đăng ký các lớp học phần qua tài khoản sinh viên trên hệ thống đăng ký học của Nhà trường. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên phải đăng ký các học phần cho học kỳ tiếp theo. Cố vấn học tập hỗ trợ đăng ký các học phần cho sinh viên ở học kỳ đầu tiên của khoá học;

b) Quy định giới hạn khối lượng học tập sinh viên (số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ) cụ thể như sau:

- Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn;

- Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn (*Trong đó không tính khối lượng học tập các học phần về GDTC, GDQP-AN, ... và các học phần của ngành học thứ 2*);

- Không quy định khối lượng học tập cho sinh viên ở các học kỳ phụ, học kỳ cuối theo kế hoạch học tập chuẩn.

c) Điều kiện ràng buộc của học phần và trình tự học tập của mỗi ngành đào tạo được thiết lập trên phần mềm quản lý đào tạo. Sinh viên chỉ đăng ký được các học phần khi đã hoàn thành điều kiện ràng buộc về học phần tiên quyết, học phần học trước;

d) Sinh viên được xem xét khen thưởng, cấp học bổng khi đảm bảo khối lượng học tập là 15 tín chỉ. Việc xem xét khen thưởng, cấp học bổng cho sinh viên khi khối lượng học tập theo kế hoạch học tập chuẩn không đủ 15 tín chỉ sẽ do Hiệu trưởng quyết định;

e) Việc đăng ký bổ sung hoặc thay đổi sang học phần khác (*đăng ký muộn*) được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ;

f) Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện trong tuần thứ ba kể từ đầu học kỳ chính; trong tuần thứ 2 kể từ đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn quy định, kết quả đăng ký học phần của sinh viên được giữ nguyên trong phần mềm quản lý đào tạo và nếu sinh viên không tham gia học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F cho học phần này;

g) Đối với những trường hợp có lý do chính đáng (*ốm đau, tai nạn, chuyển trường, bảo lưu...*) được Hiệu trưởng xem xét cho phép mở lớp bổ sung, kéo dài thời gian đăng ký bổ sung, rút bớt học phần hoặc rút toàn bộ học phần đã đăng ký; nếu sinh viên không

được rút bớt học phần và không tham gia thi cuối kỳ thì không tính điểm tổng kết các học phần đó;

h) Dữ liệu về đăng ký học của sinh viên sẽ được lưu trữ trên hệ thống phần mềm của Nhà trường.

5. Đăng ký khối lượng học tập và rút bớt học phần đã đăng ký đối với sinh viên đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học.

a) Trung tâm Giáo dục thường xuyên phối hợp với đơn vị đào tạo và đơn vị liên kết lên kế hoạch mở lớp, sinh viên đăng ký các lớp học phần qua tài khoản sinh viên trên hệ thống đăng ký học của Nhà trường. Cố vấn học tập hỗ trợ đăng ký các học phần cho sinh viên ở học kỳ đầu tiên của khoá học. Lịch đăng ký học cụ thể được Trung tâm Giáo dục thường xuyên thông báo trên website và gửi đến đơn vị liên kết;

b) Điều kiện ràng buộc của học phần và trình tự học tập của mỗi ngành đào tạo được thiết lập trên phần mềm quản lý đào tạo. Sinh viên chỉ đăng ký được các học phần khi đã hoàn thành điều kiện ràng buộc về học phần tiên quyết, học phần học trước;

c) Đối với những trường hợp có lý do chính đáng (*ốm đau, tai nạn, chuyển trường, bảo lưu...*) được Hiệu trưởng xem xét cho phép kéo dài thời gian đăng ký bổ sung, rút bớt học phần hoặc rút toàn bộ học phần đã đăng ký.

Điều 7. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Các đơn vị đào tạo, các phòng ban chức năng và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo năm học, kế hoạch của từng học kỳ của Nhà trường theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình.

2. Việc tổ chức giảng dạy và học tập ở Trường Đại học Vinh được quản lý thông qua Hệ thống quản lý học tập LMS và phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường.

3. Trường đơn vị đào tạo có trách nhiệm giúp sinh viên hiểu rõ quy chế đào tạo, CTĐT và những quy định của Nhà trường; chỉ đạo, phân công người hướng dẫn và tư vấn cho sinh viên lập kế hoạch học tập, xây dựng phương pháp học tập, theo dõi kết quả và tiến độ học tập của sinh viên để đạt kết quả học tập tốt nhất.

4. Đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học

a) Đơn vị đào tạo căn cứ vào kế hoạch học tập để bố trí giảng viên giảng dạy cho các lớp học phần. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị đào tạo đề xuất mời giảng viên thỉnh giảng ở các cơ sở giáo dục khác. Số học phần giảng viên thỉnh giảng thực hiện không được vượt quá 30% tổng số học phần trong CTĐT. Danh sách giảng viên thỉnh giảng kèm hồ sơ, lý lịch khoa học gửi cho đơn vị quản lý đào tạo thẩm định, trình Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt và ký hợp đồng. Hồ sơ thỉnh giảng gồm: bản sao có công chứng văn bằng cao nhất; bản sao lý lịch khoa học;

b) Các đơn vị đào tạo tổ chức biên soạn bài giảng, giáo trình, tài liệu học tập cho sinh viên; phân công giảng viên giảng dạy, giảng viên hướng dẫn sinh viên làm thí nghiệm, thực hành, thực tập, đồ án, khoá luận và thực hiện các hoạt động học tập khác.

5. Trách nhiệm của giảng viên

a) Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy và kiểm tra, đánh giá học phần theo đề cương học phần đã được phê duyệt;

b) Xây dựng phương án dạy học cụ thể theo nguyên tắc trải nghiệm học tập tích hợp, lấy người học làm trung tâm để sinh viên đạt được kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo các CĐR CTĐT phân nhiệm cho học phần; có tương tác qua Hệ thống quản lý học LMS;

c) Xây dựng quy trình đánh giá quá trình học tập của sinh viên; công bố mục tiêu, CĐR, đề cương học phần, các tiêu chí đánh giá và hồ sơ học tập của sinh viên;

d) Tổ chức, hướng dẫn và tư vấn cho sinh viên học trên lớp, thảo luận, làm bài tập, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tự đánh giá, tương tác với giảng viên, nhóm và các vấn đề liên quan đến học phần (*phương pháp học tập, nghiên cứu, hướng dẫn làm tiểu luận, bài trình bày...*);

e) Công bố kết quả đánh giá thường xuyên (*bao gồm cả những người học không đủ điều kiện dự thi*) và nhập điểm đánh giá thường xuyên vào Hệ thống quản lý học tập LMS; lưu giữ hồ sơ học tập từng sinh viên cho đến hết khóa học của người học.

6. Trách nhiệm của sinh viên khi tham gia lớp học phần

a) Thực hiện đúng kế hoạch học tập và kiểm tra, đánh giá học phần do giảng viên công bố;

b) Hoàn thành các nội dung học tập mà giảng viên phân công; đảm bảo chất lượng và đúng thời gian;

c) Đối với các học phần thực hành: sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành; đảm bảo các quy định của phòng thí nghiệm;

d) Đối với học phần đồ án, thực tập, thực tế phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu của giảng viên và cán bộ hướng dẫn ở cơ sở;

e) Phản hồi kịp thời với giảng viên về kết quả đánh giá thường xuyên ngay sau khi được thông báo kết quả (*nếu có*).

Điều 8. Chương trình Giáo dục thể chất và Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên không chuyên

1. Chương trình Giáo dục thể chất (GDTC) và Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP-AN) là các phần bắt buộc đối với sinh viên theo học CTĐT trình độ đại học.

a) Chương trình GDTC có khối lượng kiến thức 5 tín chỉ được bố trí thành khối học phần GDTC;

b) Chương trình GDQP-AN có khối lượng kiến thức 8 tín chỉ, được chia thành 4 học phần;

c) Kết quả đánh giá các học phần GDQP-AN, GDTC không tính vào điểm trung bình chung học tập, điểm trung bình chung tích lũy mà được dùng làm điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp thực hiện theo khoản 1 Điều 14 của Quy chế này.

2. Chương trình GDQP-AN dành cho người học đã có văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng theo học chương trình liên thông, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, chuyển đổi thời lượng đã học và tích lũy trong CTĐT trước. Đối với người học liên thông lấy bằng đại học thứ 2 được miễn học các học phần GDQP-AN.

3. Công nhận và chuyển kết quả chương trình GDTC từ CTĐT trước cho tất cả đối tượng học liên thông.

4. Sinh viên thuộc các trường hợp sau đây được miễn học các học phần GDQP-AN, GDTC: sinh viên khuyết tật không tự phục vụ được bản thân có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền; sinh viên đã hoàn thành chương trình GDQP-AN, GDTC phù hợp với trình độ đào tạo và một số trường hợp cụ thể khác được quy định trong các văn bản của Nhà nước ban hành.

5. Các học phần GDQP-AN, GDTC (cho sinh viên không chuyên) được đánh giá theo thang điểm 10. Điểm đạt đối với các học phần GDQP-AN và học phần GDTC từ 5,0 điểm trở lên.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 9. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá dựa trên CĐR. Nguyên tắc và quy trình đánh giá thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà trường về đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học.

2. Điểm học phần bao gồm 2 loại điểm: điểm tổng kết học phần và điểm của từng CĐR. Điểm tổng kết học phần được đánh giá theo thang điểm 10 và quy đổi về thang điểm 4; điểm đánh giá CĐR học phần được đánh giá theo thang điểm 5.

3. Điểm tổng kết học phần gồm 02 nhóm điểm gồm: điểm đánh giá thường xuyên (trọng số điểm chiếm 50%) và điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số điểm chiếm 50%).

a) Đánh giá thường xuyên nhằm thu thập minh chứng về kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học tập; bao gồm điểm đánh giá hàng tuần qua Hệ thống quản lý học tập LMS và điểm đánh giá trực tiếp/trực tuyến trong quá trình học tập. Đề cương học phần quy định rõ hình thức đánh giá, các bài đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi bài đánh giá cho phần đánh giá thường xuyên;

b) Đánh giá cuối kỳ nhằm thu thập minh chứng để xác định kết quả học tập khi kết thúc học phần. Đề cương học phần quy định rõ hình thức đánh giá, các bài đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi bài đánh giá cho phần đánh giá cuối kỳ;

c) Nguyên tắc quy đổi từ điểm tổng kết học phần từ thang điểm 10 sang thang điểm 4 như bảng sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4	Ghi chú
A	8,5 - 10,0	4	Đạt
B+	8,0 - 8,4	3,5	Đạt
B	7,0 - 7,9	3	Đạt
C+	6,5 - 6,9	2,5	Đạt
C	5,5 - 6,4	2	Đạt
D+	5,0 - 5,4	1,5	Đạt
D	4,0 - 4,9	1	Đạt
F	< 4,0	0	Không đạt

d) Thang điểm không phân mức, áp dụng cho các học phần như: các học phần GDQP-AN cho sinh viên không chuyên, học phần GDTC cho sinh viên không chuyên, đánh giá CĐR về Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin,... chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập, ký hiệu là P (đạt từ 5,0 điểm trở lên).

e) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ để xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

4. Đối với đánh điểm năng lực của các CĐR học phần, sử dụng thang điểm năng lực của CĐR được thể hiện ở bảng sau:

Mức năng lực	Điểm năng lực	Mô tả mức năng lực của CĐR theo 3 lĩnh vực		
		Kiến thức (K)	Kỹ năng (S)	Thái độ (A)
Mức 1	0,5 - 1,4	Nhớ (Remembering)	Tiếp nhận (Perception)	Tiếp nhận hiện tượng (Receiving)
Mức 2	1,5 - 2,4	Hiểu (Understanding)	Thao tác theo hướng dẫn (Manipulation)	Phản hồi với hiện tượng (Responding)
Mức 3	2,5 - 3,4	Áp dụng (Applying)	Thao tác chính xác (Precision)	Hình thành giá trị (Valuing)
Mức 4	3,5 - 4,4	Phân tích, Đánh giá (Analyzing, Evaluating)	Thích ứng (Adaptation)	Củng cố giá trị (Organization)
Mức 5	4,5 - 5,0	Sáng tạo (Creating)	Sáng tạo (Origination)	Đặc trưng hóa (Characterization)

Việc xây dựng công cụ đánh giá CĐR học phần thực hiện theo quy định hiện hành về đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh.

5. Học lại và học cải thiện kết quả đánh giá học phần

a) Sinh viên phải học lại học phần nếu:

- Học phần bị điểm F.

- Học phần đó sinh viên không đủ điều kiện dự thi.

- Học phần chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu (học phần không tổng kết điểm).

b) Sinh viên được học cải thiện điểm đối với các học phần đạt điểm D, D+, C; học cải thiện điểm năng lực các PLO;

c) Sinh viên đăng ký học lại các học phần bị điểm F hoặc các học phần để cải thiện điểm tổng kết học phần, cải thiện điểm năng lực của các PLO vào các kỳ học tiếp theo của khóa học. Điểm xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học và sinh viên học lại hoặc học cải thiện điểm học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của Nhà trường.

6. Quy định về việc sửa điểm, điều chỉnh điểm học phần

Việc sửa điểm, điều chỉnh điểm học phần (điểm quá trình, điểm cuối kỳ, điểm báo cáo,...) được thực hiện theo quy định hiện hành về đánh giá và quản lý kết quả học tập của Trường Đại học Vinh.

7. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi điều kiện tổ chức đánh giá đảm bảo được sự trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

8. Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định chi tiết về hoạt động đánh giá, quản lý kết quả học tập của sinh viên phù hợp với các quy định hiện hành và phù hợp với quy chế này.

Điều 10. Tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập

1. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch đánh giá kết thúc các học phần theo từng học kỳ. Sinh viên thực hiện đánh giá kết thúc học phần theo quy định về đánh giá kết thúc học phần được quy định trong đề cương học phần.

2. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập bao gồm: quy định về thời gian ôn thi và thời gian thi, xây dựng ngân hàng đề thi, thiết lập đề thi, hình thức đánh giá, coi thi, chấm thi, phúc tra (nếu có), bảo quản bài thi, hoãn thi, miễn thi, xử lý kỷ luật, ... thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Điều 11. Thực tập và đồ án tốt nghiệp

1. Hoạt động thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp được thiết kế thành học phần Thực tập và đồ án tốt nghiệp, có tối thiểu 8 tín chỉ, tối đa 12 tín chỉ; là một học phần bắt buộc đối với tất cả các CTĐT của Nhà trường.

2. Sinh viên được đăng ký học phần Thực tập và đồ án tốt nghiệp khi đã hoàn thành các học phần dự án trong CTĐT, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Đồ án tốt nghiệp có thể được làm theo nhóm sinh viên nhưng yêu cầu phải phân công rõ nhiệm vụ, kế hoạch cho từng cá nhân. Việc đánh giá kết quả của đồ án tốt nghiệp của mỗi nhóm cần đảm bảo được sự cá biệt hóa cho từng cá nhân trong nhóm.

4. Trưởng đơn vị đào tạo, giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ và tổ chức đánh giá kết thúc đồ án tốt nghiệp của sinh viên.

5. Trong thời gian thực tập, sinh viên không được đăng ký học thêm các học phần khác. Trường hợp cụ thể khác do Hiệu trưởng quy định.

6. Trưởng các đơn vị đào tạo thống nhất về nội dung, hình thức triển khai thực tập; xây dựng và ban hành bộ tiêu chí đánh giá hoạt động thực tập và đồ án tốt nghiệp phù hợp với học phần Thực tập và đồ án tốt nghiệp của CTĐT, công bố công khai cho cơ sở thực tập và sinh viên được biết.

7. Đánh giá học phần Thực tập và đồ án tốt nghiệp.

a) Việc đánh giá kết quả học tập phần đồ án tốt nghiệp của sinh viên được tổ chức theo hình thức Hội đồng chuyên môn;

- Thành phần Hội đồng chuyên môn có thể là các giảng viên trong đơn vị hoặc có thêm thành phần là các nhà tuyển dụng cùng tham gia đánh giá. Hội đồng chuyên môn có tối thiểu 3 thành viên do Trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập;

- Hình thức đánh giá có thể là đánh giá trực tiếp hoặc đánh giá trực tuyến. Điểm đánh giá cuối kỳ phần đồ án tốt nghiệp là điểm đánh giá của Hội đồng chuyên môn chấm đồ án của đơn vị đào tạo, được làm tròn đến một chữ số thập phân;

- Việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án bằng hình thức trực tuyến khi điều kiện tổ chức đánh giá đảm bảo được sự trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: (1) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học; (2) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ theo quy định.

b) Việc đánh giá kết quả học tập phần thực tập tốt nghiệp:

- Điểm phần thực tập tốt nghiệp của ngành ngoài sư phạm được đánh giá theo thang điểm 10, gồm điểm đánh giá bởi cơ sở thực tập (trọng số điểm chiếm 50%) và điểm đánh giá bởi đơn vị đào tạo (trọng số điểm chiếm 50%). Những cách tính điểm khác do Hiệu trưởng quyết định;

- Điểm phần thực tập tốt nghiệp của ngành sư phạm được cơ sở thực tập đánh giá theo thang điểm 10, trong đó thực tập giáo dục (chiếm trọng số 30%) và điểm thực tập giảng dạy (chiếm trọng số 70%).

c) Tính điểm học phần Thực tập và đồ án tốt nghiệp:

Điểm học phần Thực tập và đồ án tốt nghiệp là điểm trung bình chung của phần Thực tập tốt nghiệp và phần Đồ án tốt nghiệp với trọng số tương ứng theo số tín chỉ của phần Thực tập tốt nghiệp và số tín chỉ của phần đồ án tốt nghiệp. Trong đó, điểm của phần Thực tập tốt nghiệp và phần Đồ án tốt nghiệp đều phải đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

8. Thực tập và đồ án tốt nghiệp đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

a) Tổ chức cho sinh viên đăng ký và thực hiện 2 học phần thay thế tốt nghiệp; hoặc làm khóa luận tốt nghiệp; hoặc thực hiện đồ án tốt nghiệp (đối với các ngành đào tạo kỹ sư) để kết thúc chương trình học. Điều kiện để sinh viên được đăng ký như điều kiện đối với sinh viên hệ chính quy;

b) Trung tâm Giáo dục thường xuyên phối hợp với các đơn vị đào tạo tổ chức cho sinh viên học và đánh giá hai học phần cuối khóa hoặc bảo vệ đồ án tốt nghiệp vào học kỳ cuối cùng của khóa học;

c) Học phần thực tập cuối khóa chỉ dành cho sinh viên là học sinh Trung học phổ thông, tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp hoặc tốt nghiệp đại học theo học CTĐT liên thông lấy văn bằng đại học khác. Thời lượng của thực tập tốt nghiệp là 5 tín chỉ, thực hiện trong 5 tuần thực tập.

Điều 12. Xử lý kết quả học tập

1. Cuối mỗi học kỳ chính/năm học, sinh viên được cảnh báo học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 tín chỉ;

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo;

d) Tùy theo đặc điểm từng khóa học, Hiệu trưởng quy định áp dụng một hoặc hai trong ba điều kiện nêu trên để cảnh báo kết quả học tập của sinh viên và quy định số lần cảnh báo kết quả học tập, nhưng không vượt quá hai lần liên tiếp.

2. Sau mỗi năm học, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 2 lần liên tiếp;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật khác ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Nhà trường.

3. Sinh viên có quyết định buộc thôi học, chậm nhất sau 1 tháng được Nhà trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

4. Sinh viên đào tạo theo hình thức chính quy bị buộc thôi học do có số lần cảnh báo vượt quy định hoặc vượt quá thời gian được phép học tại trường được xem xét chuyển sang hình thức vừa làm vừa học của Trường nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến và được bảo lưu một phần kết quả học tập của chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 13. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một CTĐT khác, được xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong CTĐT theo học.

2. Hội đồng chuyên môn của đơn vị đào tạo xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh CĐR, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ sau:

a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;

b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;

c) Công nhận, chuyển đổi theo cả CTĐT.

3. Hội đồng chuyên môn của đơn vị đào tạo công khai quy định việc công nhận kết quả học tập, công nhận đạt CĐR và chuyển đổi tín chỉ cho học phần tương ứng. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của CTĐT; riêng đối với ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Các học phần tích lũy từ cơ sở đào tạo khác, CTĐT khác được Hiệu trưởng công nhận kết quả và thực hiện chuyển đổi tín chỉ được công nhận đạt điểm CĐR ở mức năng lực mong đợi của các học phần đó đối với CTĐT đăng ký học.

5. Sinh viên hoàn thành chương trình thực tập ở nước ngoài với các đối tác có hợp tác với Nhà trường được xem xét miễn phần thực tập tốt nghiệp. Đơn vị đào tạo cần xem xét kết quả đánh giá của đơn vị đối tác đề xuất Hiệu trưởng công nhận điểm số và điểm năng lực của CDR phần thực tập tốt nghiệp.

6. Sinh viên có chứng chỉ quốc tế về ngoại ngữ, tin học, giải Ba trở lên trong các kỳ thi Olympic được xem xét miễn tham gia học các học phần tương ứng. Sinh viên phải đăng ký học phần đó và được xem xét công nhận kết quả học tập. Hiệu trưởng quyết định công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ cho các trường hợp trên.

7. Sinh viên được Hiệu trưởng Nhà trường công nhận, chuyển đổi kết quả học phần từ các chứng chỉ quốc tế về CNTT, Ngoại ngữ; môn đạt giải Ba trở lên trong các kỳ thi Olympic được giảm 75% học phí của các học phần tương ứng trong CTĐT.

Điều 14. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ của CTĐT được quy định tại mục 2 Điều 2 của Quy chế này;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên và đạt các CDR của CTĐT;

d) Có chứng chỉ GDQP-AN đối với các ngành không chuyên về quân sự; hoàn thành chương trình GDTC đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

e) Đạt CDR chương trình đào tạo, CDR về Công nghệ thông tin và Ngoại ngữ được quy định cụ thể tại Điều 15 của Quy chế này;

g) Hoàn thành nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định;

h) Đối với trường hợp sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn phải có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp (theo mẫu) gửi Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường (qua phòng Đào tạo).

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 3 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa và được xếp loại cụ thể như sau:

a) Sinh viên có điểm tích lũy trung bình đạt từ 3,6 đến 4,0 được công nhận tốt nghiệp loại Xuất sắc;

b) Sinh viên có điểm tích lũy trung bình đạt từ 3,2 đến cận 3,6 được công nhận tốt nghiệp loại Giỏi;

c) Sinh viên có điểm tích lũy trung bình đạt từ 2,5 đến cận 3,2 được công nhận tốt nghiệp loại Khá;

d) Sinh viên có điểm tích lũy trung bình đạt từ 2,0 đến cận 2,5 được công nhận tốt nghiệp loại Trung bình;

4. Hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại Xuất sắc và loại Giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

5. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành các học phần GDQP - AN hoặc GDTC hoặc chưa đạt CĐR về Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin trong thời hạn 3 năm tính từ khi hết thời gian học tập được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong CTĐT.

7. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp.

a) Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp;

b) Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện;

c) Hiệu trưởng ra quyết định công nhận sinh viên tốt nghiệp đại học và cấp bằng tốt nghiệp, phụ lục văn bằng;

d) Hàng năm, căn cứ vào tình hình cụ thể, Hiệu trưởng xem xét quyết định số lần xét tốt nghiệp trong năm.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 15. Chuẩn đầu ra về Công nghệ thông tin (CNTT) và Ngoại ngữ

1. Chuẩn đầu ra về CNTT và Ngoại ngữ là điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên theo học các CTĐT trình độ đại học hệ chính quy của Nhà trường.

2. Sinh viên không chuyên ngữ: trước khi xét công nhận tốt nghiệp phải đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, chuẩn trình độ CNTT theo quy định hiện hành của Nhà trường.

3. Sinh viên chuyên ngữ: trước khi xét công nhận tốt nghiệp phải đạt chuẩn trình độ bậc 5 đối với ngoại ngữ thứ nhất và bậc 3 đối với ngoại ngữ thứ hai theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, chuẩn trình độ CNTT theo quy định hiện hành của Nhà trường.

4. Việc tổ chức học, đánh giá và cấp chứng nhận đạt CĐR về Ngoại ngữ, CNTT áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà trường.

5. Quy định CĐR về Ngoại ngữ, CNTT được miễn cho sinh viên nước ngoài đang theo học các CTĐT chính quy tại trường.

6. Sinh viên có các chứng chỉ quốc tế về Ngoại ngữ, CNTT (không xem xét cho sinh viên chuyên ngành) được Hiệu trưởng Nhà trường công nhận đạt CĐR về Ngoại ngữ, CNTT.

7. Trong một số trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng xem xét miễn CDR về Ngoại ngữ cho sinh viên là người dân tộc thiểu số có sử dụng tiếng dân tộc như là ngôn ngữ thứ hai.

Điều 16. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác (gọi chung là chương trình thứ hai) khi điều kiện của cơ sở đào tạo cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 của Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng một trong hai điều kiện sau và các điều kiện khác của Nhà trường:

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy đạt 2,5 trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy đạt 2,0 trở lên và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh với các ngành còn lại.

3. Quy trình đăng ký học cùng lúc hai chương trình

a) Sinh viên viết đơn đăng ký học chương trình thứ hai nộp cho đơn vị đào tạo chủ quản để xét duyệt điều kiện đăng ký học cùng lúc hai chương trình;

b) Đơn vị đào tạo chủ quản nộp hồ sơ đăng ký học chương trình thứ hai về Trường để trình Hội đồng tuyển sinh xét duyệt và ra quyết định;

c) Hồ sơ đăng ký học chương trình thứ hai gồm: đơn đăng ký của sinh viên, biên bản xét duyệt cấp đơn vị đào tạo, danh sách sinh viên đủ điều kiện đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

5. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất tại khoản 8 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

6. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 17. Học liên thông đối với người có văn bằng khác

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển vào học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học một ngành đào tạo của Nhà trường.

3. Các ngành đã tuyển sinh tối thiểu 03 khóa của Nhà trường được phép tuyển sinh hệ liên thông theo ngành và hình thức đào tạo do người học lựa chọn.

4. Việc tuyển sinh hình thức học liên thông đối với người có văn bằng khác được thực hiện bằng hình thức xét tuyển. Hội đồng tuyển sinh sẽ căn cứ vào tiêu chí xét tuyển để xét và công nhận trúng tuyển, gọi nhập học đối với thí sinh đăng ký học liên thông.

5. Điều kiện đăng ký xét tuyển:

- a) Người học cần có đủ sức khỏe để học tập, không vi phạm pháp luật;
- b) Nếu là cán bộ, công chức hoặc là cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang cần có sự đồng ý của thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền;
- c) Có văn bằng tốt nghiệp tương ứng với hình thức đăng ký xét tuyển;
- d) Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên và nhóm ngành sức khỏe, điều kiện đăng ký xét tuyển đảm bảo theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành.

6. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

7. Việc sắp xếp sinh viên trúng tuyển hình thức đào tạo liên thông vào học các ngành đào tạo thực hiện theo khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

Điều 18. Chuyển ngành, chuyển hình thức đào tạo

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác của Nhà trường khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không phải là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Sinh viên chỉ được chuyển đến các ngành học của nhà trường có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của trường đơn vị đào tạo phụ trách chương trình, ngành đào tạo chuyển đi và chuyển đến;

e) Sinh viên thực hiện CTĐT ngành mới và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng ngành đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

2. Sinh viên được xem xét chuyển từ hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học của nhà trường nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

3. Phòng Đào tạo cung cấp kết quả học tập của sinh viên cho đơn vị đào tạo tiếp nhận; đơn vị đào tạo tiếp nhận làm quyết định chuyển ngành, chuyển hình thức đào tạo và công nhận kết quả học tập hoặc chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên.

Điều 19. Trao đổi sinh viên

1. Căn cứ thỏa thuận hợp tác và quy định về công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ, Nhà trường cho phép sinh viên được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi sinh viên).

2. Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành danh mục các học phần được công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ trong thỏa thuận hợp tác đào tạo giữa Nhà trường với cơ sở đào tạo có thỏa thuận hợp tác.

3. Sinh viên tham gia chương trình trao đổi sinh viên khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không thuộc diện trình độ năm thứ nhất, năm cuối của Nhà trường và các trường đối tác trong và ngoài nước đã ký thỏa thuận trao đổi sinh viên đối với trường;

b) Có học lực tính theo điểm trung bình chung tích lũy đạt loại khá trở lên;

c) Đạt điều kiện về Ngoại ngữ (cho các chương trình giảng dạy bằng tiếng nước ngoài) và các điều kiện khác theo yêu cầu của trường đối tác;

d) Có đủ sức khỏe theo quy định;

e) Đáp ứng các yêu cầu khác trong thỏa thuận trao đổi đã ký kết giữa hai trường.

4. Hiệu trưởng ra quyết định cử sinh viên đi học đã được xét duyệt và quyết định tiếp nhận sinh viên của trường đối tác đến; các đơn vị chức năng liên quan hướng dẫn làm hồ sơ theo yêu cầu của trường đối tác và hỗ trợ các thủ tục nhập học cho sinh viên;

5. Sinh viên có thể đăng ký thực hiện học một số học phần (có trong danh mục học được công nhận lẫn nhau) tại cơ sở đào tạo đối tác với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác (nếu có) không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (không bao gồm các khối lượng các học phần GDQP-AN, GDTC).

6. Sau khi có kết quả học tập tại các cơ sở đào tạo khác có thỏa thuận hợp tác với Trường, sinh viên phải nộp bảng ghi kết quả học tập về Trường. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ được thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

Điều 20. Chuyển cơ sở đào tạo (chuyển trường)

1. Sinh viên được Hiệu trưởng xem xét đồng ý cho chuyển đến cơ sở đào tạo khác khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét kỷ luật, buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Quy chế này;

b) Được Hiệu trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đến đồng ý tiếp nhận;

c) Hoàn thành tất cả các nghĩa vụ liên quan theo quy định hiện hành.

2. Sinh viên được Hiệu trưởng xem xét tiếp nhận khi có nguyện vọng chuyển đến từ cơ sở đào tạo khác khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét kỷ luật, buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Quy chế này;

b) Nhà trường đang tuyển sinh và đào tạo các ngành cùng nhóm/lĩnh vực với ngành đào tạo đang học ở trường chuyển đi của người có nguyện vọng chuyển đến.

c) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh của Nhà trường;

d) Ngành đăng ký chuyển đến của sinh viên chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

e) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi.

Điều 21. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Các hành vi sinh viên không được làm khác, các hình thức xử lý kỷ luật sinh viên và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét kỷ luật sinh viên thực hiện theo Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hiện hành.

4. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ; tùy theo trường hợp Nhà trường sẽ đề nghị cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Hiệu lực áp dụng

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quy chế này thay thế Quy định đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

3. Các khoá đã tuyển sinh trước thời điểm quy chế này có hiệu lực sẽ thực hiện theo Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV, tuy nhiên việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp được thực hiện theo quy chế này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp, các đơn vị đề xuất với Nhà trường (*qua Phòng Đào tạo và Trung tâm Giáo dục thường xuyên*) để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét bổ sung, điều chỉnh.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Trường phòng Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trưởng các đơn vị đào tạo và trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai và hướng dẫn chi tiết nội dung Quy chế này đến toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia các chương trình đào tạo trình độ đại học trong toàn Trường biết và thực hiện.

HIỆU TRƯỞNG

GS. TS. Nguyễn Huy Bằng